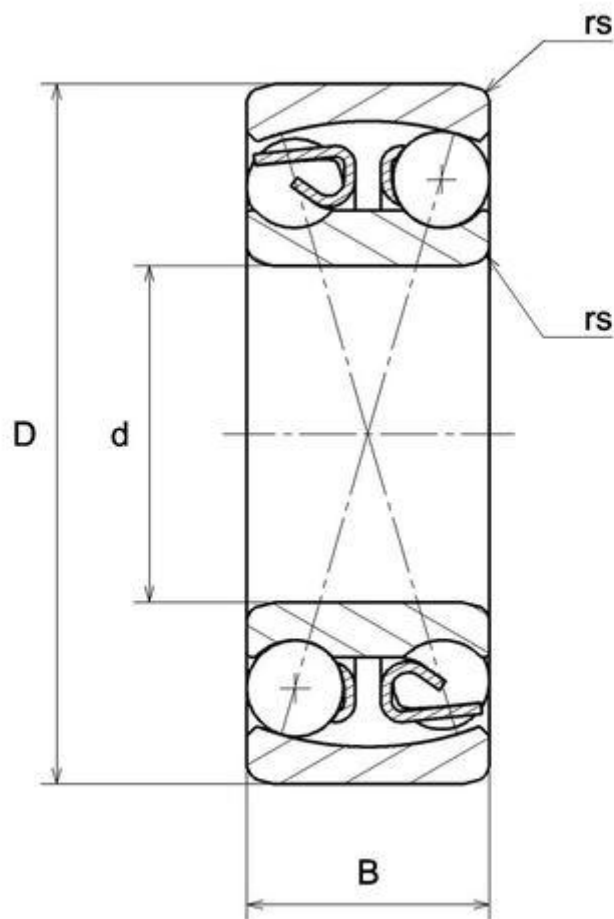


## Bạc đạn NTN 1217S



### THÔNG SỐ KỸ THUẬT

|                                  |        |
|----------------------------------|--------|
| Thương hiệu / Hãng sản xuất      | NTN    |
| d - Đường kính lỗ trục           | 85 mm  |
| D - Đường kính ngoài             | 150 mm |
| B - Chiều rộng                   | 28 mm  |
| rs - Bán kính góc lượn tối thiểu | 2 mm   |
| Khe hở vòng bi                   | CN     |
| Lớp chính xác                    | P0     |

|             |        |
|-------------|--------|
| Trọng lượng | 2,1 kg |
|-------------|--------|

## HIỆU SUẤT SẢN PHẨM

|                                      |             |
|--------------------------------------|-------------|
| C - Tải trọng động cơ bản danh định  | 49,5 kN     |
| C0 - Tải trọng tĩnh cơ bản danh định | 20,8 kN     |
| Cu - Giới hạn tải trọng mỗi          | 0,83 kN     |
| e - Trị số giới hạn                  | 0.17        |
| Y0 - Hệ số tải trọng trực tĩnh       | 3.8         |
| Y1 - Hệ số tải trọng trực thấp hơn   | 3.7         |
| Y2 - Hệ số tải trọng trực trên       | 5.7         |
| N lim - Tốc độ giới hạn bôi trơn dầu | 4500 tr/min |
| N lim - Tốc độ giới hạn bôi trơn mỡ  | 3800 tr/min |
| Tmin - Nhiệt độ hoạt động tối thiểu  | -20 °C      |
| Tmax - Nhiệt độ hoạt động tối đa     | 120 °C      |

## GIỚI HẠN

|                                             |        |
|---------------------------------------------|--------|
| da min - Đường kính vai tối thiểu IR        | 94 mm  |
| Da max - Đường kính vai tối đa OR           | 141 mm |
| ra max - Bán kính góc lượn tối đa trục & vỏ | 2 mm   |

**NTN**<sup>®</sup>



**VOBICO.VN**  
NTN Authorized Distributor